

TỔNG QUAN HỆ THỐNG VỀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ HỖ TRỢ NGHIÊN CỨU TẠI CÁC THƯ VIỆN ĐẠI HỌC

ThS Phan Trường Nhất

Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Nghiên cứu về dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu tại các thư viện đại học gần đây đang phát triển mạnh mẽ. Để giúp đưa ra bối cảnh bao quát các nghiên cứu về chủ đề nghiên cứu này, tác giả tiến hành thực hiện tổng quan hệ thống tài liệu trên 03 cơ sở dữ liệu trực tuyến là Scopus, Proquest và ScienceDirect, được công bố trong thời gian từ năm 2020 đến ngày 30/7/2024. Kết quả nghiên cứu cho thấy năm nội dung cơ bản của các nghiên cứu về dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu bao gồm: (1) Phát triển và đánh giá các dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu, (2) Hỗ trợ các kỹ năng nghiên cứu, (3) Ứng dụng công nghệ mới trong các dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu, (4) Dịch vụ dữ liệu nghiên cứu và quản lý dữ liệu nghiên cứu, (5) Hợp tác phát triển các dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu.

Từ khóa: Dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu; thư viện đại học; tổng quan hệ thống.

A SYSTEMATIC REVIEW ON THE DEVELOPMENT OF RESEARCH SUPPORT SERVICES IN UNIVERSITY LIBRARIES

Abstract: Recent studies on research support services in university libraries have been thriving. To provide a comprehensive overview of research on this topic, the author conducted a systematic review of literature across three online databases: Scopus, ProQuest, and ScienceDirect, focusing on publications from 2020 to July 30, 2024. The research results identified five key areas in the studies of research support services, including: (1) Development and evaluation of research support services, (2) Support for research skills, (3) Application of new technologies in research support services, (4) Research data services and data management, (5) Collaborative development of research support services.

Keywords: Research support services; academic library; systematic review.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, nghiên cứu khoa học ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự tiến bộ và phát triển của xã hội. Các trường đại học (ĐH) không chỉ là nơi đào tạo kiến thức mà còn là trung tâm nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới. Trong quá trình này, thư viện đại học (TVĐH) đóng vai trò quan trọng, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu (Research Support Services - RSS) nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của giảng viên, sinh viên và các đối tượng người học khác ở các cơ sở giáo dục ĐH.

Thư viện, đặc biệt là TVĐH đã được xác định là trung gian và đối tác trong vòng đời nghiên cứu

của các tổ chức giáo dục. Vai trò của TVĐH từ trước đến nay là hỗ trợ giảng dạy, học tập và nghiên cứu của trường ĐH. Bên cạnh việc cung cấp các dịch vụ thư viện truyền thống, cán bộ thư viện (CBTV) ngày nay còn đảm nhận nhiều vai trò mới. Trong đó, RSS đã trở thành một trong những dịch vụ quan trọng của các thư viện học thuật trong bối cảnh nghiên cứu điện tử, nghiên cứu dựa trên dữ liệu. Các RSS có thể được chia thành 07 khía cạnh chính: quản lý dữ liệu nghiên cứu, truy cập mở, xuất bản học thuật, đo lường ảnh hưởng nghiên cứu, hướng dẫn nghiên cứu, tư vấn nghiên cứu và đề xuất công cụ nghiên cứu [Si et al., 2019]. Nhiều dịch vụ của TVĐH đã thay đổi đáng kể với sự tiến bộ của công nghệ, tự động hóa và sự mở rộng của

giao tiếp học thuật. Hiện nay, các RSS tại TVĐH cũng đã có những đổi mới, cải tiến để theo kịp xu hướng và yêu cầu của người dùng. TVĐH không ngừng nâng cao chất lượng, mở rộng phạm vi các dịch vụ, đa dạng hơn, từ việc cung cấp tài liệu, hỗ trợ tìm kiếm thông tin, đến việc cung cấp các công cụ và dịch vụ phân tích dữ liệu.

Các nghiên cứu về cung cấp RSS tại các thư viện trên thế giới cho thấy những cơ hội trong tương lai của các TVĐH trong việc hỗ trợ vòng đời nghiên cứu [Padhan & Naidu, 2022]. Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về RSS tại các TVĐH ở các nước phát triển, nhưng rất ít nghiên cứu về chủ đề này được tìm thấy tại các quốc gia kém phát triển hơn. Một số TVĐH ở Việt Nam đã triển khai nhiều RSS nhằm hỗ trợ các nhà nghiên cứu trong quá trình thực hiện dự án nghiên cứu. Do đó, tổng quan hệ thống tiến hành thực hiện nhằm giúp các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học TT-TV, các đối tượng khác có quan tâm đến chủ đề nghiên cứu RSS có cái nhìn bao quát về các công bố trên thế giới gần đây về các RSS và cập nhật kiến thức về chủ đề nghiên cứu này.

1. CƠ SỞ LÝ LUẬN

Theo Forsman và cộng sự (2012, tr.181), RSS có thể được định nghĩa là “các dịch vụ thông tin

cụ thể để thúc đẩy nghiên cứu bằng cách đáp ứng nhu cầu thông tin đặc biệt của các nhà nghiên cứu trong một tổ chức cụ thể”. Gần đây hơn, tác giả Si và cộng sự (2019, tr.282) cho rằng: hỗ trợ nghiên cứu đề cập đến bất kỳ điều gì mà các TV hay CBTV thực hiện để hỗ trợ hoạt động học thuật và nghiên cứu tại cơ sở giáo dục hay viện nghiên cứu của họ.

Tác giả Tang và Zhang (2019) đã liên kết cụ thể các RSS với nhu cầu thông tin của nhà nghiên cứu dựa trên vòng đời nghiên cứu, tức là từ khi bắt đầu một dự án nghiên cứu cho đến khi hoàn thành nghiên cứu đó. Một yếu tố quan trọng của RSS thành công là khả năng đáp ứng của CBTV đối với nhu cầu cụ thể của các nhà nghiên cứu. Khi bản chất của nghiên cứu đã phát triển, thì các RSS của TVĐH cũng vậy.

Các RSS có thể được chia thành bảy khía cạnh như sau: (1) quản lý dữ liệu nghiên cứu, (2) truy cập mở, (3) xuất bản học thuật, (4) đo lường tác động nghiên cứu, (5) hướng dẫn nghiên cứu, (6) tư vấn nghiên cứu và (7) đề xuất công cụ nghiên cứu [Si et al., 2019]. Nghiên cứu của Awan và cộng sự (2022) nêu lên một số RSS đang được cung cấp hiện nay tại các TVĐH trên thế giới qua Bảng 1.

Bảng 1. Một số RSS đang được triển khai tại các TVĐH trên thế giới

TT	RSS	TT	RSS
1	Sổ tay hướng dẫn nghiên cứu	16	Dịch vụ chuyển phát tài liệu
2	Sách về nghiên cứu	17	Dịch vụ thông báo tài liệu mới (sách và tạp chí)
3	Sách về chủ đề cụ thể	18	Kho lưu trữ điện tử liên kết với cổng thông tin TV theo chủ đề cụ thể (sách, luận án, tạp chí)
4	Tạp chí về chủ đề cụ thể	19	Chương trình đào tạo hỗ trợ nghiên cứu trong TV
5	Dịch vụ tham khảo	20	Chương trình CBTV liên lạc
6	Dịch vụ tham khảo kỹ thuật số	21	Cung cấp tiện ích giao tiếp học thuật trực tuyến cho các nhà nghiên cứu với các chuyên gia trong TV
7	Cho mượn liên TV và chia sẻ tài nguyên	22	Hướng dẫn hỗ trợ nghiên cứu trực tuyến
8	Dịch vụ cắt báo ¹	23	Bàn tư vấn cho các nhà nghiên cứu
9	Kho lưu trữ nghiên cứu của tổ chức	24	Đặt phòng học để thảo luận nhóm

¹ Dịch vụ cắt báo (Clipping services) là một loại hình dịch vụ thông tin mà các công ty hoặc tổ chức cung cấp để thu thập, lưu trữ và quản lý các bài viết hoặc thông tin từ các nguồn báo chí, tạp chí hay các ấn phẩm khác. Dịch vụ này thường được sử dụng để theo dõi, cập nhật thông tin liên quan đến một chủ đề cụ thể, như một công ty, sản phẩm, ngành nghề, hoặc các xu hướng thị trường.

TT	RSS	TT	RSS
10	Bộ sưu tập lưu trữ và bản thảo đặc biệt	25	Đăng ký công cụ (SurveyMonkey, Google Form,...) để khảo sát trực tuyến
11	Truy cập vào thư viện kỹ thuật số HEC	26	Đăng ký các công cụ (SPSS/SYSTAT, SSS,...) để phân tích định lượng
12	Đăng ký tạp chí điện tử của các TVĐH	27	Đăng ký các công cụ (NVivo/Leximancer,...) để phân tích định tính
13	Dịch vụ nhận thức hiện tại	28	Đăng ký các công cụ (Turnitin/Safe Assign/Eve, INSIT,...) để chống đạo văn
14	Dịch vụ phổ biến thông tin có chọn lọc (SDI)	29	Đăng ký các công cụ tham khảo (Endnote/Zotero/BibTex/Mendeley/RefWorks,...),...
15	Dịch vụ tóm tắt và lập chỉ mục	30	Một số RSS khác

Nguồn: [Awan và cộng sự (2022)]

Đặc biệt, gần đây một số TVĐH tại các nước phát triển trên thế giới đã triển khai dịch vụ quản lý dữ liệu nghiên cứu (Research Data Management - RDM). RDM đang phát triển với tư cách là một quy trình đã được thảo luận trong một thời gian khá dài. Nhiều thư viện nhận thức được rằng dữ liệu nghiên cứu cần được thu thập, xử lý, lưu trữ để hỗ trợ vòng đời của nghiên cứu. Nghiên cứu của Masinde và cộng sự (2021) xem xét vai trò của TVĐH trong RDM. Các tác giả cho rằng, TVĐH với chuyên môn hiện nay nên đóng vai trò trung tâm trong việc quản lý và chia sẻ dữ liệu nghiên cứu.

Đề cập đến vai trò của TVĐH trong hỗ trợ nghiên cứu và các dịch vụ liên quan đến RSS, CBTV trong môi trường học thuật thường hỗ trợ tham khảo, tài liệu hướng dẫn về nghiên cứu. Các hoạt động này phản ánh nhu cầu của người dùng, là sự quan tâm của CBTV ở các trường ĐH hiện nay. Việc hỗ trợ cho nhu cầu nghiên cứu của giảng viên, sinh viên hay nhà nghiên cứu có thể khác nhau tùy theo ngành học, văn hóa của khoa, phong cách làm việc của từng giáo sư, đòi hỏi sự sáng tạo, thử nghiệm để phát triển hiệu quả. Nghiên cứu của Zakaria (2021) cho thấy, CBTV nên nhận thức rõ hơn về vai trò của mình trong việc cung cấp dịch vụ trực quan hóa dữ liệu. Họ được yêu cầu phải là chuyên gia về trực quan dữ liệu để có thể trực quan dữ liệu của thư viện mình, hỗ trợ các nhà nghiên cứu trong việc tạo ra các hình ảnh trực quan và minh họa thông tin tương

tác của họ. Tại các trường ĐH có đào tạo ngành TT-TV, cần phát huy vai trò nòng cốt bằng việc cung cấp các môn học bắt buộc hay tự chọn liên quan đến RSS, đặc biệt là về trực quan dữ liệu để SV tốt nghiệp có thể trở thành chuyên gia thông tin chuyên sâu về RSS sau này tại các TVĐH.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp tổng quan hệ thống tài liệu (systematic review) được chọn để thực hiện nghiên cứu này. Tài liệu liên quan đến những RSS tại các TVĐH đã được xác định thông qua tìm kiếm trên các cơ sở dữ liệu (CSDL) trực tuyến khác nhau. Ba CSDL trực tuyến được chọn để tìm kiếm là: Scopus, Proquest và ScienceDirect. Dựa trên các thuật ngữ và từ khóa liên quan đến đề tài đã xác định bằng Tiếng Anh gồm: “research”, “development”, “service development”, “research support”, “research services”, “research support services”, “university libraries”, “academic library”, “research library”. Nghiên cứu đưa ra chiến lược tìm kiếm như sau:

- Về biểu thức tìm kiếm phù hợp là:

(“Research” OR “development” OR “service development”) AND (“research support” OR “research services” OR “research support services”) AND (“university libraries” OR “academic library” OR “research library”).

- Quá trình tìm kiếm trên ba CSDL từ biểu thức tìm và đưa ra một số điều kiện tìm khác cho phù hợp với từng CSDL. Kết quả tìm kiếm được trình bày ở Bảng 2.

Bảng 2. Kết quả tìm kiếm tài liệu trên ba CSDL trực tuyến

TT	CSDL	Số lượng bài báo	Một số điều kiện tìm khác
1	Scopus	88	Bài báo (Article); ngôn ngữ công bố là tiếng Anh (English); Giới hạn thời gian: 2020 - 2024 (1/1/2020 - 30/7/2024; Bài báo đã xuất bản (Final).
2	Proquest	404	Bài báo (Article); Giới hạn thời gian: 1/1/2020 - 30/7/2024; Ngôn ngữ công bố là Tiếng Anh (English); Có phản biện (peer review).
3	ScienceDirect	154	Bài báo (Research articles); Giới hạn thời gian: 2020-2024 (1/1/2020 - 30/7/2024); Ngôn ngữ công bố là tiếng Anh (English).
Tổng		646 bài báo	

- Có 646 bài báo được tìm kiếm và tiến hành tra trùng, kết quả sau khi tra trùng còn lại: 467 bài báo.

- Dựa trên chỉ số xếp hạng tạp chí (Q) của SJR công bố (Scimago Journal & Country Rank - SJR), dữ liệu năm 2023 từ website của SJR (<https://www.scimagojr.com/journalrank.php>) cho thấy có 8.649 tạp chí Q1. Nghiên cứu lựa chọn phân tích các bài báo Q1 (tác giả không xem xét năm của bài báo, chỉ dùng danh sách của SJR để làm mốc xác định các tạp chí nằm trong danh sách này). Sau khi giới hạn bài báo tạp chí Q1, số bài báo còn lại là: 326.

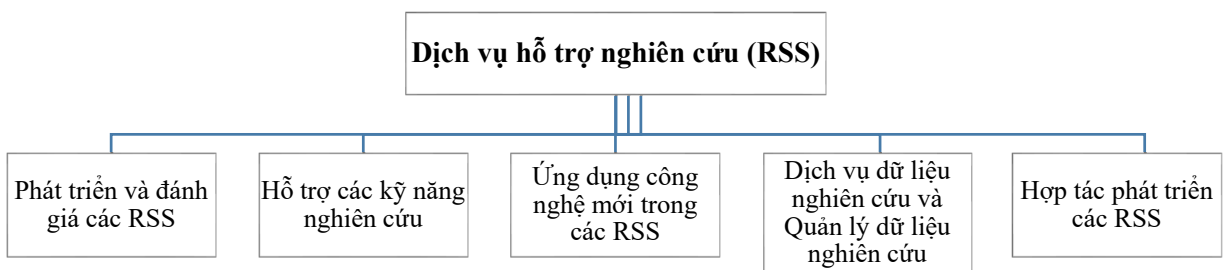
- Sau đó, tác giả đọc và tổng hợp nội dung các bài báo từ các tóm tắt. Kết quả cuối cùng có 21 bài

báo phù hợp với chủ đề nghiên cứu của đề tài được xác định làm mẫu nghiên cứu.

Bảng 3. Số lượng bài báo từ năm 2020 đến tháng 7/2024 làm mẫu nghiên cứu

Năm	2020	2021	2022	2023	7/2024	Tổng
Số lượng	1	4	4	6	6	21

- Từ kết quả của việc tìm kiếm tài liệu và tổng hợp các nội dung từ các bài báo thông qua nhan đề (title), tóm tắt (abstract) và từ khóa (keyword) bằng Microsoft Excel, nghiên cứu đưa ra các nội dung chính liên quan đến RSS ở các TVĐH trong các nghiên cứu đã công bố trên các CSDL trực tuyến (xem Hình 1).



Hình 1. Các nội dung về RSS được tổng hợp từ các bài báo

- Kết quả nghiên cứu thực hiện với việc tóm tắt các nghiên cứu chính khác nhau để từ đó có thể rút ra kết luận dưới dạng diễn giải toàn diện [Beaudry & Miller, 2016].

- Phân tích nội dung theo chủ đề từ các bài báo được thực hiện từ kết quả của tìm kiếm tài liệu và trình bày ở phần kết quả nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Phát triển và đánh giá các dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu

Nghiên cứu của Hussain và Rafiq (2023) tập trung vào việc xác định các RSS hiện tại mà các TVĐH ở Pakistan cung cấp cho cộng đồng nghiên cứu trong các giai đoạn khác nhau của vòng đời

ngiên cứu. Kết quả cho thấy hơn 50% TVĐH ở Pakistan đang cung cấp các RSS cho mọi giai đoạn của vòng đời nghiên cứu, chủ yếu là các dịch vụ truyền thống so với các dịch vụ tiên tiến trên toàn cầu. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, các TVĐH ngoài công lập cung cấp RSS nhiều hơn so với TVĐH công lập. Các thư viện liên kết với các trường đại học khu vực công có xu hướng đưa việc cung cấp các RSS vào kế hoạch tương lai của họ. Nghiên cứu cung cấp nhiều hữu ích cho các nghiên cứu tương lai, đồng thời giúp các thư viện và trường đại học lập kế hoạch chiến lược nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu của các nhà nghiên cứu.

Các phát hiện của Ullah và cộng sự (2022) cho thấy, các RSS số (truy cập ebook, tạp chí điện tử và tài liệu âm thanh/video) đã được cung cấp cho những người học ngoài trường thông qua các TVĐH bằng cách kết nối với các CSDL khác nhau. Nghiên cứu cho rằng số hóa các quy trình giáo dục là rất quan trọng để tăng cường các hoạt động giáo dục thông qua các thư viện điện tử.

Nghiên cứu của Howlett và cộng sự (2024) đã so sánh TVĐH Úc và Aotearoa New Zealand trong cung cấp RSS theo lĩnh vực nghiên cứu. Ở cả hai vị trí địa lý, TVĐH Úc và Aotearoa New Zealand đều đề cập riêng đến hầu hết, nhưng không phải tất cả các lĩnh vực nghiên cứu. Trung bình, một trang web TVĐH ở Úc hoặc Aotearoa New Zealand sẽ đề cập đến 8 trong số 11 lĩnh vực nghiên cứu đã xác định. Sự khác biệt giữa TVĐH Úc và Aotearoa New Zealand bao gồm các lĩnh vực hỗ trợ nghiên cứu như kho lưu trữ, bản quyền, quản lý tài liệu tham khảo và tương tác trực tuyến.

Nghiên cứu của Singh và cộng sự (2024) nhấn mạnh tầm quan trọng của TVĐH trong việc hỗ trợ các nỗ lực nghiên cứu tại các tổ chức, phân loại các RSS thành các loại chính như: hướng dẫn nghiên cứu, quản lý dữ liệu nghiên cứu và xuất bản học thuật. Nghiên cứu tìm hiểu tình trạng triển khai các RSS tại 212 TVĐH ở Ấn Độ. Kết quả cho thấy sự nhận thức và áp dụng các RSS còn hạn chế, nhiều thư viện chưa cung cấp đầy đủ các dịch vụ như RDM, mặc dù có đề xuất công cụ nghiên cứu. TVĐH ở Ấn Độ cần mở rộng các RSS và hỗ

trợ nhà nghiên cứu tốt hơn trong quá trình nghiên cứu.

Nghiên cứu của Singh và Siwach (2024) xác định kỳ vọng các vấn đề của giảng viên và học giả tại Đại học Maharshi Dayanand liên quan đến RSS của thư viện. Kết quả cho thấy “Dịch vụ cơ sở dữ liệu” được mong đợi nhất, tiếp theo là “Cơ sở hạ tầng” và “Kho lưu trữ của tổ chức”, trong khi “Dịch vụ truyền thông học thuật” ít được mong đợi nhất. Các thách thức chính bao gồm thiếu tài trợ cho phí xử lý bài báo, hạn chế về máy tính, thiếu đào tạo về công cụ nghiên cứu và kỹ năng công nghệ, cùng kết nối internet kém.

Tác giả Awan và cộng sự (2022) tập trung vào đánh giá RSS tại các TVĐH ở Pakistan. Kết quả cho thấy có 54,4% thư viện cung cấp dịch vụ liên thư viện và chia sẻ nguồn tài nguyên. Về cơ sở hạ tầng truyền thông khoa học trực tuyến, chỉ có 46,9% thư viện cung cấp cơ sở hạ tầng truyền thông khoa học trực tuyến, một phần do thiếu huấn luyện cho các CBTV ở Pakistan. Chỉ 40%-50% thư viện cung cấp các công cụ hỗ trợ nghiên cứu cơ bản như phần mềm chống đạo văn và 45% thư viện đăng ký sử dụng các công cụ tham khảo như EndNote, Mendeley. Trong đó - 43,1% thư viện đăng ký sử dụng công cụ thống kê như SPSS và 39,4% cung cấp công cụ phân tích định tính như Nvivo. Khoảng 81,5%-87,5% thư viện cung cấp dịch vụ phổ biến thông tin chọn lọc và khoảng 75% cung cấp kho tài liệu nghiên cứu. Gần 70% thư viện cung cấp phòng thảo luận nhóm. Khoảng 62,5%-66,3% thư viện cung cấp CBTV chuyên trách hỗ trợ nghiên cứu,... Những kết quả này cho thấy, mặc dù các TVĐH ở Pakistan đang cung cấp một số RSS cơ bản, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế về tài nguyên, huấn luyện và hỗ trợ kỹ thuật. Điều này dẫn đến việc các thư viện chưa thể tối ưu hóa hết tiềm năng của mình trong việc hỗ trợ các nhà nghiên cứu.

3.2. Hỗ trợ các kỹ năng nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu của Ali và cộng sự (2023) sử dụng phương pháp phân tích thư mục cho thấy chủ đề “Năng lực thông tin và thư viện” đứng đầu với tổng số 2.168 ấn phẩm, 3.047 bài báo là loại tài liệu đã xuất bản, 3.662 ấn phẩm bằng tiếng Anh và số lượng ấn phẩm tăng đáng kể theo từng năm.

Tác giả hàng đầu là Fourie, với 106 trích dẫn và 22 bài báo bắt đầu từ năm 2001. Có thể thấy, năng lực thông tin được xem là có liên quan mật thiết và hỗ trợ các nhà nghiên cứu hay thư viện trong việc phát triển các RSS liên quan đến các kỹ năng nghiên cứu.

Nghiên cứu của Howie và Kara (2022) cho thấy, các CBTV hướng đến nhà nghiên cứu tại New Zealand đang cung cấp hướng dẫn trong nhiều vòng đời nghiên cứu hơn bao giờ hết để ứng phó với hệ sinh thái học thuật ngày càng phức tạp. Nghiên cứu này đã khám phá sự phát triển của hỗ trợ nghiên cứu thông qua các phản hồi khảo sát từ tất cả 8 TVĐH New Zealand. Từ các phản hồi, có thể xác định mức độ dịch vụ được cung cấp hoặc lên kế hoạch trong bốn lĩnh vực chính của tác động nghiên cứu, quản lý dữ liệu nghiên cứu, truyền thông học thuật và nghiên cứu Kaupapa Māori. Các khoảng cách kỹ năng và rào cản đối với việc phát triển dịch vụ cũng đã được xác định. So sánh với một nghiên cứu trước đó cho thấy tác động nghiên cứu và các dịch vụ quản lý dữ liệu nghiên cứu đã phát triển tốt trong sáu năm qua. Một mức độ trưởng thành tốt đã được xác định trong các dịch vụ truyền thông học thuật nhưng hỗ trợ cho nghiên cứu Kaupapa Māori được xác định là một lĩnh vực cần phát triển. Các rào cản đối với việc phát triển dịch vụ bao gồm thiếu nguồn lực và sự công nhận thấp về giá trị của thư viện từ các tổ chức rộng lớn hơn.

Nghiên cứu của Fathima và Chakravarty (2021) đã khám phá mối quan hệ giữa sự phát triển nhà nghiên cứu và hỗ trợ nghiên cứu của thư viện. Năm mô hình chính liên quan đến giáo dục đại học, phát triển nhà nghiên cứu được xem xét để đánh giá mô hình nào phù hợp hơn với các hoạt động hỗ trợ nghiên cứu của thư viện. Theo đó, mô hình phát triển nhà nghiên cứu theo khái niệm của Giáo sư Linda Evans; Khung phát triển nhà nghiên cứu Vitae (RDF); Khung phát triển kỹ năng nghiên cứu, mô hình bảy trụ cột về năng lực thông tin của Hiệp hội các TVĐH, quốc gia và cao đẳng; và Tiêu chuẩn của Hiệp hội các TVĐH và cao đẳng dành cho thư viện trong giáo dục đại học đã được xem xét và cho là phù hợp để tham khảo khi hỗ trợ các kỹ năng nghiên cứu.

3.3. Ứng dụng công nghệ mới trong các dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu

Nghiên cứu của Nahotko và cộng sự (2023) cho thấy, việc sử dụng các kỹ thuật big data, như web scraping và các công cụ phân tích hỗ trợ NLP, có giá trị trong việc kiểm tra mức độ trưởng thành của hệ thống dữ liệu nghiên cứu (RDS) thư viện. Mô hình của Cox và cộng sự (2019) đã chứng minh hiệu quả trong các nghiên cứu này. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, các thư viện còn chưa áp dụng loại hình hoạt động RDS trưởng thành nhất. Điều này cho thấy cần phải có sự thay đổi lớn trong tổ chức công việc. Các thư viện thường tiếp tục các hoạt động dựa trên chức năng truyền thống của mình và cần cải thiện kỹ năng phân tích dữ liệu lớn. Tuy nhiên, nghiên cứu đã chứng minh giá trị của việc sử dụng công cụ big data để có cái nhìn rõ ràng về mức độ trưởng thành và quản lý dữ liệu nghiên cứu trong các thư viện ở Ba Lan.

Nghiên cứu của Zakaria (2021) cho thấy, dịch vụ trực quan hóa dữ liệu (Data visualization) giúp hiển thị dữ liệu phức tạp theo cách dễ hiểu, mang lại nhiều lợi ích cho nghiên cứu khoa học. Các công cụ trực quan hóa dữ liệu, như Tableau, hỗ trợ các nhà nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực. CBTV nên học cách sử dụng các công cụ này qua đào tạo, hội thảo và các tài liệu trực tuyến. Việc chọn công cụ trực quan hóa dữ liệu phù hợp phụ thuộc vào dữ liệu và phần mềm quen thuộc. Thư viện cần cung cấp đào tạo liên tục và khuyến khích sử dụng trực quan hóa dữ liệu để hỗ trợ nghiên cứu.

Nghiên cứu của Johnson và cộng sự (2024) minh họa cách thư viện có thể tích hợp ChatGPT vào các hoạt động đào tạo năng lực thông tin, giúp sinh viên hiểu biết về một khía cạnh mới của thông tin. Thay vì phản đối tác động của các công cụ AI như LLM (large language model), nghiên cứu đề xuất một mô hình tận dụng lợi ích của chúng trong các hoạt động đào tạo của thư viện. CBTV nên tự tin dẫn dắt giáo dục AI, thu hút giảng viên, sinh viên tham gia, giúp sinh viên mở rộng kiến thức về AI. Các công cụ như ChatGPT có thể cải thiện cách thư viện hỗ trợ người dùng truy cập và sử dụng thông tin chất lượng, đáng tin cậy.

Nghiên cứu của Madunić và Sovulj (2024), khám phá việc ứng dụng ChatGPT trong thiết kế tài liệu giảng dạy cho các khóa học về năng lực thông tin học thuật. Bắt đầu bằng việc sử dụng tài nguyên mở và hạ tầng nội dung, tài liệu được tạo qua lệnh và tiêu chuẩn đã xác định. Nhóm nghiên cứu cũng thử nghiệm chatbot tùy chỉnh có khả năng truy vấn tài liệu người dùng cung cấp. Kết quả cho thấy, tài liệu cần chỉnh sửa trước khi sử dụng thực tế, việc ứng dụng ChatGPT có thể mang lại lợi ích về thời gian và chi phí, đồng thời tích hợp công nghệ mới vào đào tạo.

3.4. Dịch vụ dữ liệu nghiên cứu và quản lý dữ liệu nghiên cứu

Dịch vụ dữ liệu nghiên cứu và quản lý dữ liệu nghiên cứu là dịch vụ được nhiều TVĐH triển khai trong bối cảnh hiện nay. Trong đó, cung cấp dịch vụ lưu trữ, chia sẻ dữ liệu nghiên cứu và hỗ trợ các nhà nghiên cứu trong việc tuân thủ các yêu cầu về quản lý, chia sẻ dữ liệu của các cơ quan, tổ chức là những nội dung được quan tâm trong các nghiên cứu về chủ đề này.

Martin-Melon và cộng sự (2023) tập trung vào dịch vụ dữ liệu nghiên cứu (RDS), hỗ trợ các nhà nghiên cứu về tư vấn, đào tạo và quản lý dữ liệu. RDS đang ngày càng trở thành chức năng quan trọng tại các TVĐH ở Tây Ban Nha. Nghiên cứu đã phân tích trang web của 48 thư viện thuộc các trường ĐH công lập ở Tây Ban Nha, phát hiện rằng dù thiếu chính sách cụ thể, các thư viện đang triển khai RDS, với trọng tâm là phát triển kế hoạch quản lý dữ liệu (DMP) và bảo quản dữ liệu. Đây là cơ sở để nghiên cứu sâu hơn về việc triển khai RDS trong tương lai.

Nghiên cứu của Al-Jaradat (2021) cho thấy, các TVĐH công lập ở Jordan (JPUL) cung cấp dịch vụ RDM ở quy mô hạn chế, chỉ quản lý một số dữ liệu có giá trị và cung cấp quyền truy cập ưu tiên qua nền tảng trực tuyến. Việc thiếu các chính sách RDM quốc gia và quốc tế dẫn đến triển khai không hiệu quả, cùng với khoảng cách kỹ năng lớn giữa các CBTV. Để cải thiện, cần tăng cường đào tạo kỹ năng và phát triển cơ sở hạ tầng, chính sách, kho lưu trữ, và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cũng

như nâng cao nhận thức về lợi ích của RDM cho các nhà nghiên cứu.

Nghiên cứu của Chawinga và Zinn (2020) điều tra tình hình RDM tại một trường Y ở quốc gia đang phát triển tại châu Phi, tập trung vào bốn khía cạnh chính: tạo dữ liệu, bảo quản và sao lưu, năng lực quản lý dữ liệu, và các thách thức. Kết quả giúp hiểu rõ hơn về thực tiễn quản lý dữ liệu trong cộng đồng y học tại các quốc gia đang phát triển, từ đó thúc đẩy các chiến lược hiệu quả hơn cho RDM. Nghiên cứu khuyến nghị áp dụng chính sách RDM để củng cố vai trò của TVĐH và triển khai RDM hiệu quả hơn trong môi trường đại học ở châu Phi.

Nghiên cứu của Amanullah và Abrizah (2023) cho thấy, TVĐH ở Malaysia cung cấp các dịch vụ RDM dựa trên các kỹ năng cơ bản như công cụ quản lý thư mục, kho lưu trữ tổ chức và chia sẻ dữ liệu mở, thay vì các dịch vụ có tác động lớn hơn như phân tích dữ liệu, trích dẫn dữ liệu, khai thác dữ liệu hoặc trực quan hóa dữ liệu. Mặc dù các CBTV đã nhận thức được RDM và vai trò của họ trong việc cung cấp RDM, nhưng quá trình thực hành và triển khai các dịch vụ RDM vẫn chưa được thực hiện đầy đủ để hỗ trợ các yếu tố chính của RDM.

3.5. Hợp tác phát triển dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu

Nghiên cứu của Osadebe và Okwor (2021) xem xét việc huy động nguồn lực để hỗ trợ nghiên cứu tại các TVĐH ở châu Phi được chọn. Kết quả cho thấy rằng, các RSS tồn tại ở ba trường đại học được sử dụng cho nghiên cứu này. Trong số các dịch vụ có sẵn, có truy cập internet miễn phí, quản lý kho tài liệu của tổ chức và nhiều dịch vụ khác. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các dịch vụ RSS khác nhau giữa các trường đại học.

Nghiên cứu của Sawe và cộng sự (2024) đã xem xét các phương pháp mà TVĐH sử dụng để tăng cường khả năng hiển thị và sử dụng RSS cho nghiên cứu sinh, đồng thời đánh giá năng lực của CBTV trong việc cung cấp các RSS. Kết quả cho thấy ba vấn đề chính: chiến lược quảng bá RSS, nhu cầu nâng cao kỹ năng và phát triển chuyên môn cho CBTV. Nghiên cứu cũng nhấn mạnh việc

cần cải thiện tài trợ và thúc đẩy sự chủ động từ các thư viện. Tương tự, nghiên cứu của Singh và Siwach (2024) cũng nhấn mạnh nhu cầu cải thiện tài trợ và đào tạo để nâng cao hiệu quả của RSS.

Nghiên cứu của Shoaib và cộng sự (2023) nhằm đánh giá các nguồn tài nguyên của TVĐH và RSS dành cho giảng viên tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục đại học. Kết quả từ phân tích hồi quy cho thấy, các RSS có thể được dự đoán một cách chính xác. Kết luận của nghiên cứu khẳng định rằng các nguồn tài nguyên của TVĐH có ảnh hưởng tích cực đến các RSS dành cho giảng viên tiếng Anh tại các trường đại học công lập ở tỉnh Punjab.

Nghiên cứu của Irfan và cộng sự (2024) đã xác định những khoảng trống trong chương trình giảng dạy và các kỹ năng cần thiết cho RSS tại các TVĐH ở tỉnh Punjab, Pakistan. Thông qua việc khảo sát các CBTV và phân tích nội dung chương trình giảng dạy của bảy trường đào tạo ngành thư viện. Kết quả cho thấy sự chênh lệch giữa các kỹ năng cần thiết cho RSS và những gì các trường đang giảng dạy. Nghiên cứu có ý nghĩa thực tiễn, giúp các trường điều chỉnh chương trình học để đáp ứng nhu cầu thực tế.

4. THẢO LUẬN

Kết quả nghiên cứu cung cấp một cái nhìn tổng quan về phát triển, cung cấp RSS tại các TVĐH trên thế giới. Các nghiên cứu được phân tích chỉ ra, mặc dù các TVĐH đã triển khai các RSS để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của cộng đồng nghiên cứu ở các TVĐH, tuy nhiên còn tồn tại nhiều thách thức về cơ sở hạ tầng, công nghệ, nguồn nhân lực thư viện và nhận thức của người dùng.

Đối với sự phát triển và đánh giá các RSS, nhiều nghiên cứu cho thấy các TVĐH chủ yếu cung cấp các dịch vụ truyền thống, tập trung vào giai đoạn ban đầu của vòng đời nghiên cứu, mặc dù đã có sự phát triển đáng kể trong việc cung cấp RSS. Một số thư viện đã bắt đầu tích hợp các dịch vụ tiên tiến như phần mềm quản lý dữ liệu nghiên cứu, các công cụ hỗ trợ phân tích, nhưng tỉ lệ này vẫn còn hạn chế. Kết quả này nhấn mạnh nhu cầu tăng cường chiến lược phát triển và áp dụng các

RSS nhằm tối ưu hóa khả năng hỗ trợ nghiên cứu. Điều này cũng được phản ánh qua các nghiên cứu ở các quốc gia phát triển như Úc và New Zealand, nơi các TVĐH đã triển khai các RSS dựa trên lĩnh vực nghiên cứu, cho thấy sự khác biệt đáng kể trong cách thức các TVĐH tiếp cận và hỗ trợ nghiên cứu. Về hỗ trợ kỹ năng nghiên cứu, các TVĐH đã mở rộng phạm vi hỗ trợ các nhà nghiên cứu qua nhiều giai đoạn vòng đời nghiên cứu, đồng thời đào tạo các kỹ năng nghiên cứu và quản lý dữ liệu. Việc cung cấp RSS không chỉ đơn thuần là cung cấp dịch vụ mà còn phải chú trọng đến việc nâng cao kỹ năng, năng lực của nhà nghiên cứu, cũng như các CBTV. Đáng chú ý là các TVĐH cần phát triển chương trình đào tạo liên tục và các kỹ năng liên quan đến việc quản lý dữ liệu, đặc biệt là trong bối cảnh ngày càng phức tạp của hoạt động nghiên cứu. Ở khía cạnh ứng dụng công nghệ mới, bao gồm dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, công cụ trực quan hóa dữ liệu,... đã mang lại nhiều lợi ích cho việc phát triển RSS. Zakaria (2021) đã chỉ ra rằng, các công cụ trực quan hóa dữ liệu giúp các nhà nghiên cứu phân tích và hiển thị dữ liệu phức tạp một cách dễ hiểu hơn. Tuy nhiên, TVĐH cần có sự cải thiện về kỹ năng đào tạo để tối ưu hóa việc sử dụng các công cụ này. Ngoài ra, ứng dụng AI như ChatGPT trong việc nâng cao năng lực thông tin, hỗ trợ sinh viên, giảng viên cũng là một hướng đi triển vọng mà các thư viện có thể phát triển; Nhiều nghiên cứu đã nhấn mạnh tầm quan trọng của dịch vụ RDM trong bối cảnh hiện nay. Các TVĐH ở nhiều quốc gia đang phát triển dịch vụ này, đặc biệt là việc lưu trữ, chia sẻ dữ liệu, tuân thủ các yêu cầu về bảo quản dữ liệu. Tuy nhiên, sự thiếu hụt về chính sách quốc gia và kỹ năng quản lý dữ liệu làm hạn chế hiệu quả triển khai các dịch vụ RDM. Để khắc phục tình trạng này, cần có sự đầu tư vào đào tạo, phát triển cơ sở hạ tầng cũng như các chính sách hỗ trợ RDM hiệu quả hơn. Về hợp tác phát triển các RSS, cho thấy việc hợp tác giữa các TVĐH và các tổ chức khác để phát triển các RSS. Sawe và cộng sự (2024) cho rằng, việc tăng cường tài trợ, quảng bá RSS và nâng cao năng lực của CBTV là những chiến lược cần thiết để cải thiện chất lượng dịch

vụ. Các nghiên cứu khác cũng cho thấy sự cần thiết của việc điều chỉnh chương trình giảng dạy và phát triển kỹ năng nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn của các nhà nghiên cứu.

Nhìn chung, nghiên cứu cho thấy các TVĐH trên thế giới đang dần chuyển đổi và cải tiến các RSS, nhưng vẫn còn nhiều thách thức về cơ sở hạ tầng, nguồn lực và chính sách. Các TVĐH cần chú trọng đến việc nâng cao năng lực kỹ thuật, tăng cường hợp tác và áp dụng công nghệ mới để tối ưu hóa hiệu quả của các RSS.

KẾT LUẬN

Kết quả từ nghiên cứu này hữu ích cho các nhà nghiên cứu, các TVĐH, đặc biệt là các trường đại học nghiên cứu, trong việc hiểu rõ tình hình hiện tại của các dịch vụ dữ liệu nghiên cứu tại các thư viện trên thế giới. Hơn nữa, những kết quả tổng quan này còn cung cấp hiểu biết có giá trị cho các chuyên gia thông tin về các loại RSS đang có hiện nay. Từ đây, giúp họ đóng vai trò quan trọng trong việc lập kế hoạch, thiết kế và triển khai các dịch vụ tại các TVĐH.

Nghiên cứu có nhiều ý nghĩa về mặt lý thuyết và thực tiễn vì lấp đầy khoảng trống trong nghiên cứu về RSS tại các TVĐH ở Việt Nam, giúp các nhà nghiên cứu, người học nhận biết các xu hướng trong dịch vụ dữ liệu nghiên cứu và RSS. Kết quả của nghiên cứu sẽ hỗ trợ các tổ chức, đặc biệt là các TVĐH, trong việc xác định vai trò hiện đại của thư viện trong hỗ trợ của vòng đời nghiên cứu. Đồng thời, tổng quan này có thể giúp các nhà hoạch định chính sách hiểu rõ các dịch vụ thư viện phổ biến toàn cầu, từ đó lập kế hoạch cho các dịch vụ RSS để hỗ trợ giảng viên, sinh viên và nhà nghiên cứu. Việc hiểu rõ vai trò của RSS, giúp người nghiên cứu thực hiện nghiên cứu thành công hơn. Các chuyên gia thông tin hay CBTV, đặc biệt ở các quốc gia đang phát triển, có thể học hỏi từ các RSS tại các thư viện phát triển, từ đó triển khai tương tự trong đơn vị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ali, N., Shoaib, M., & Abdullah, F. (2023). Information literacy and research support services in academic libraries: A bibliometric analysis from 2001 to 2020. *Journal of Information Science*, 49(6), 1593-1606. DOI:10.1177/01655515211068169.
2. Amanullah, S. W., & Abrizah, A. (2023). The landscape of research data management services in Malaysian academic libraries: Librarians' practices and roles. *The Electronic Library*, 41(1), 63-86. DOI:10.1108/EL-06-2022-0135.
3. Awan, M. H., Richardson, J., & Ahmed, S. (2022). Current status of research support services in university libraries of Pakistan. *Digital Library Perspectives*, 38(4), 412-428. DOI:10.1108/DLP-11-2021-0101.
4. Beaudry, J. S., & Miller, L. (2016). *Research literacy: A primer for understanding and using research*. The Guilford Press.
5. Chawinga, W. D., & Zinn, S. (2020). Research data management at an African medical university: Implications for academic librarianship. *The Journal of Academic Librarianship*, 46(4), 102161. DOI:10.1016/j.acalib.2020.102161.
6. Cox, A. M., Kennan, M. A., Lyon, L., Pinfield, S., & Sbaffi, L. (2019). Maturing research data services and the transformation of academic libraries. *Journal of Documentation*, 75(6), 1432-1462. DOI:10.1108/JD-12-2018-0211.
7. Fathima, A. F., & Chakravarty, R. (2021). Researcher development models and library research support. *Library Hi Tech News*, 38(4), 18-22. DOI:10.1108/LHTN-04-2021-0015.
8. Forsman, M., Ndinoshiho, J., & Poteri, E. (2012). Empowering People: Collaboration between Finnish and Namibian University Libraries. In *Research support services of University Libraries* (pp. 180-200). Tampere University Press. Truy cập từ <https://trepo.tuni.fi/handle/10024/68089>.
9. Howie, J., & Kara, H. (2022). Research Support in New Zealand University Libraries. *New Review of Academic Librarianship*, 28(1), 7-36. DOI:10.1080/13614533.2019.1700535.
10. Howlett, A., Colla, E., & Joyce, R. (2024). Toward Redefining Library Research Support Services in Australia and Aotearoa New Zealand: An Evidence-Based Practice Approach. *New Review of Academic Librarianship*, 30(1), 24-51. DOI:10.1080/13614533.2024.2306360.

11. Hussain, A., & Rafiq, M. (2023). Provision of research support services across the research lifecycle in university libraries. *Journal of Librarianship and Information Science*, 09610006231207661. DOI:10.1177/09610006231207661.
12. Irfan, F., Rafiq, M., & Mahmood, K. (2024). Gap analysis between skills requirements for research support services and LIS/IM curricula. *Education for Information*, 40(2), 163–178. DOI:10.3233/EFI-230054.
13. Johnson, S., Owens, E., Menendez, H., & Kim, D. (2024). Using ChatGPT-generated essays in library instruction. *The Journal of Academic Librarianship*, 50(2), 102863. DOI:10.1016/j.acalib.2024.102863.
14. Madunić, J., & Sovulj, M. (2024). Application of ChatGPT in information literacy instructional design. *Publications*, 12(2), 11. DOI:10.3390/publications12020011.
15. Martin-Melon, R., Hernández-Pérez, T., & Martínez-Cardama, S. (2023). Research data services (RDS) in Spanish academic libraries. *The Journal of Academic Librarianship*, 49(4), 102732. DOI:10.1016/j.acalib.2023.102732.
16. Masinde, J., Chen, J., Wambiri, D., & Mumo, A. (2021). Research Librarians' Experiences of Research Data Management activities at an academic library in a developing country. *Data and Information Management*, 5(4), 412-424. DOI:10.2478/dim-2021-0002.
17. Nahotko, M., Zych, M., Januszko-Szakiel, A., & Jaskowska, M. (2023). Big data-driven investigation into the maturity of library research data services (RDS). *The Journal of Academic Librarianship*, 49(1), 102646. DOI:10.1016/j.acalib.2022.102646.
18. Osadebe, N. E., & Okwor, R. N. (2021). Research support services in selected African university libraries. *Library Philosophy and Practice*, 1-12.
19. Padhan, D., & Naidu, D. (2022). Research Support Services in academic libraries. *The International CALIBER 2022*, 197-207.
20. Sawe, E., Mwai, N., & Oyieke, L. (2024). Nurturing doctoral excellence: Effective strategies for research support services in public university libraries of Kenya. *Digital Library Perspectives*, 40(2), 282-294. DOI:10.1108/DLP-10-2023-0089.
21. Shoaib, M., Rasool, S., Anwar, B., & Rustum, A. (2023). Academic library resources and research support services to English teachers in higher education institutions. *Journal of Electronic Resources Librarianship*, 35(1), 17-27. DOI:10.1080/1941126X.2023.2165240.
22. Si, L., Zeng, Y., Guo, S., & Zhuang, X. (2019). Investigation and analysis of research support services in academic libraries. *The Electronic Library*, 37(2), 281-301. DOI:10.1108/EL-06-2018-0125.
23. Singh, K., & Siwach, A. K. (2024). Researchers expectations towards library research support services (LRSS). *DESIDOC Journal of Library & Information Technology*, 44(2), 69-76. DOI:10.14429/djlit.44.2.18976.
24. Singh, R. K., Raj, R., & Madalli, D. P. (2024). Investigation of research support services (RSS) in academic libraries of India. *Journal of Librarianship and Information Science*, OnlineFirst. DOI:10.1177/09610006241245714.
25. Tang, Y., & Zhang, C. (2019). Development and Practice of Research Support Services in Peking University Library. *International Journal of Library and Information Services*, 8(2), 22-39. DOI:10.4018/IJLIS.2019070102.
26. Ullah, H., Shoaib, M., Ali, N., & Ullah, R. (2022). Digital research support services during COVID-19 pandemic: An analysis of the higher education institutions. *Journal of Electronic Resources Librarianship*, 34(2), 121-134. DOI:10.1080/1941126X.2022.2064118.
27. Zakaria, M. S. (2021). Data visualization as a research support service in academic libraries: An investigation of world-class universities. *The Journal of Academic Librarianship*, 47(5), 102397. DOI:10.1016/j.acalib.2021.102397.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 15-3-2025;

Ngày phân biện đánh giá: 12-4-2025;

Ngày chấp nhận đăng: 15-7-2025).